

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		402,040,584,207	373,285,934,921
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110		3,655,830,875	3,689,241,665
1. Tiền	111	V.1	3,655,830,875	3,589,241,665
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	100,000,000
II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120		800,000,000	1,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		800,000,000	1,000,000,000
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130		151,430,336,754	195,221,515,383
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	118,968,494,890	107,723,011,553
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18,761,089,788	64,651,787,843
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.4	-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.5.1	15,689,368,630	24,835,332,541
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5.3	(1,988,616,554)	(1,988,616,554)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. HÀNG TỒN KHO	140		243,912,821,794	172,664,071,122
1. Hàng tồn kho	141	V.6	243,912,821,794	172,664,071,122
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150		2,241,594,784	711,106,751
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.1	1,923,995,050	537,961,591
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11.1	156,343,155	169,344,166
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.1	161,256,579	3,800,994
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN <i>(tiếp theo)</i>	MÃ SỐ	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		447,654,205,513	424,219,550,718
I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	210		80,532,210,128	80,532,210,128
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.2	80,526,818,222	80,526,818,222
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	5,391,906	5,391,906
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220		119,941,125,947	122,383,619,688
1. TSCĐ hữu hình	221	V.19.1	115,661,037,843	117,918,779,572
- Nguyên giá	222		470,644,241,932	481,408,483,930
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(354,983,204,089)	(363,489,704,358)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.19.2	4,280,088,104	4,464,840,116
- Nguyên giá	225		5,542,560,188	5,542,560,188
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1,262,472,084)	(1,077,720,072)
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN	240		228,491,839,609	202,692,610,875
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	228,491,839,609	202,692,610,875
IV. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	250		11,221,725,000	11,221,725,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.1	11,221,725,000	11,221,725,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	260		7,467,304,829	7,389,385,027
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.2	7,434,795,564	7,310,656,956
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.9	32,509,265	78,728,071
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		849,694,789,720	797,505,485,639

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		640,803,729,024	570,788,301,807
I. NỢ NGẮN HẠN	310		450,921,677,858	409,361,310,052
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	93,543,449,381	113,365,896,803
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		74,916,140	40,391,197
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.2 ,V.11.3	2,513,572,125	4,059,932,530
4. Phải trả người lao động	314		7,868,364,682	17,015,170,903
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	4,027,909,504	2,628,335,927
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	18,416,036,033	4,519,730,355
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.1	322,494,098,576	265,362,213,330
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	1,983,331,417	2,369,639,007
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. NỢ DÀI HẠN	330		189,882,051,166	161,426,991,755
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2,338,000,000	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14.2	187,544,051,166	161,426,991,755
9. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN (tiếp theo)	MÃ SỐ	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.16	208,891,060,696	226,717,183,832
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410		208,903,376,481	226,658,264,573
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		185,000,000,000	185,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185,000,000,000	185,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2,030,000,000	2,030,000,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		22,015,663,659	22,015,663,659
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(142,287,178)	17,612,600,914
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2,174,425,169)	(1,200,196,387)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2,032,137,991	18,812,797,301
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. NGUỒN KINH PHÍ, QUỸ KHÁC	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
III. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	429		(12,315,785)	58,919,259
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		849,694,789,720	797,505,485,639

Nha Trang, ngày 30 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Hoàng Thị Ái Khanh

Hồ Đặng Như Duyên

Võ Đình Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 & 6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

ST T	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết t minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
				Năm nay	Năm Trước	Năm nay	Năm Trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	238,040,408,900	272,923,860,119	424,106,732,216	522,485,088,504
2.	Các khoản giảm trừ	02	VI.2	-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	238,040,408,900	272,923,860,119	424,106,732,216	522,485,088,504
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	237,854,634,279	258,958,966,432	398,223,982,674	495,871,410,158
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		185,774,621	13,964,893,687	25,882,749,542	26,613,678,346
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	751,630,873	632,057,588	900,056,709	2,356,045,555
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	2,641,478,801	3,918,247,573	8,414,197,644	8,212,861,304
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,132,979,332	3,835,351,885	7,744,005,607	7,837,835,556
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.7	1,889,914,074	2,975,767,569	3,527,336,826	5,253,356,164
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	7,918,441,133	9,707,314,941	16,677,410,847	16,715,875,409
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11,512,428,514)	(2,004,378,808)	(1,836,139,066)	(1,212,368,976)
11.	Thu nhập khác	31	VI.9	(7,018,015,401)	4,816,886,988	4,238,234,599	4,816,886,989
12.	Chi phí khác	32	VI.10	(19,724,094,471)	(7,621,172)	341,059	1,866,825
13.	Lợi nhuận khác	40		12,706,079,070	4,824,508,160	4,237,893,540	4,815,020,164
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	50		1,193,650,556	2,820,129,352	2,401,754,474	3,602,651,188
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		83,824,241	545,087,498	394,632,721	604,266,370
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	23,109,403	23,109,415	46,218,806	46,218,818
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,086,716,912	2,251,932,439	1,960,902,947	2,952,166,000
19.	Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	61		34,761,430	(131,400,453)	(71,235,044)	(264,205,059)
20.	Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông công ty mẹ	62		1,051,955,482	2,383,332,892	2,032,137,991	3,216,371,059
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	57	129	110	174
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-

Người lập biểu


Hoàng Thị Ái Khanh

Kế toán trưởng


Hồ Đăng Như Duyên

Nha Trang, ngày 30 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc



Vũ Đình Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 2 & 6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	M Ã SỐ	Thuy ết minh	QUÝ 2		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ BÁO CÁO	
			NĂM 2017	NĂM 2016	NĂM 2017	NĂM 2016
<u>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</u>						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		248,153,840,105	313,246,422,089	438,833,581,617	612,028,278,256
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(221,160,759,868)	(154,462,088,944)	(415,149,891,934)	(449,193,340,579)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5,630,627,615)	(59,228,236,018)	(34,093,559,492)	187,104,895,650
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2,747,016,598)	(5,121,409,512)	(6,681,324,740)	(9,183,893,182)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(23,890,951)	(59,178,872)	(2,996,162,929)	(388,564,744)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4,841,773,047	6,743,773,825	33,262,241,683	9,926,341,317
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22,180,583,857)	(36,182,065,099)	(50,132,888,077)	(37,406,636,146)
<u>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</u>						
	20		1,252,734,263	64,937,217,469	(36,958,003,872)	38,677,289,872
<u>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</u>						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3,838,260,590)	(76,171,938,416)	(3,850,440,590)	(132,815,883,801)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	93,382,970	-	2,400,882,970
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-	(200,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		100,000,000	1,400,000,000	400,000,000	1,600,000,000
5. Tiền chi góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	27,000,000	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		501,661,142	459,899,448	528,194,194	1,487,310,110
<u>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</u>						
	30		(3,236,599,448)	(74,191,655,998)	(3,122,246,396)	(127,264,660,721)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

CHỈ TIÊU	M	Thuy	QUÝ 2		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN	
	Ả	ết			CUỐI KỲ BÁO CÁO	
	SỐ	minh	NĂM 2017	NĂM 2016	NĂM 2017	NĂM 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu 31			-	-	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành 32			-	-	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được 33			221,993,783,847	214,734,760,115	416,874,051,306	524,893,837,605
3. Tiền chi trả nợ gốc vay 34			(219,836,647,524)	(204,596,820,091)	(376,632,211,828)	(112,883,570,622)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính 35			-	257,499,999	-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu 36			(195,000,000)	(23,419,725,040)	(195,000,000)	(23,419,725,040)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 40			1,962,136,323	(13,024,285,017)	40,046,839,478	88,590,541,943
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ 50			(33,410,790)	(22,278,723,546)	(33,410,790)	3,171,094
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ 60			3,689,241,665	26,114,883,800	3,689,241,665	3,832,989,160
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ 61				172,534,839	-	172,534,839
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ 70			3,655,830,875	4,008,695,093	3,655,830,875	4,008,695,093

Người lập biểu

Blak

Hoàng Thị Ái Khanh

Kế toán trưởng

ncat

Hồ Đặng Như Duyên

Nha Trang, ngày 30 tháng 07 năm 2017

Tổng giám đốc



Ko Đình Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 & 6 tháng đầu năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Giấy phép hoạt động:

Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang ("Công ty/Công ty mẹ") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt Nha Trang theo Quyết định số 3956/QĐ-BCN ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 8 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2	3703000219	27/09/2007
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3	4200237973	22/12/2009
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4	4200237973	11/06/2014

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 185.000.000.000 đồng và không thay đổi trong quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 6 năm 2014 bao gồm: Sản xuất các loại bông, xơ, sợi; Sản xuất các loại vải; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất các loại nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Sản xuất giày dép; Sản xuất máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại vải, hàng may mặc, giày dép; Mua bán máy móc thiết bị, vật tư phụ tùng, bao bì phục vụ ngành dệt may; Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thuốc nhuộm phục vụ ngành dệt may; Mua bán các loại bông, xơ, sợi, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ ngành dệt may; Kinh doanh nhà và trung tâm thương mại; Cho thuê nhà văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, khu công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch; Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa máy móc thiết bị nhà xưởng; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xử lý chất thải lỏng công nghiệp, nước thải sinh hoạt; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, khu du lịch; Nhà hàng; Kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Km 1447, Quốc lộ 1A, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là: 2.197 người (tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là: 2.792 người).

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú. Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301446006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày ngày 22 tháng 02 năm 2009.

Trụ sở chính của công ty mẹ đặt tại số 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc Công ty

- ▶ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ : Số 54 Tôn Thất Tùng, quận 1, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh
- ▶ Chi nhánh tại Thành phố Hà Nội
Địa chỉ : Số 378 Nguyễn Thị Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Hiện Chi nhánh này đã dừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định của Hội đồng quản trị ngày 07/09/2011.
- ▶ Cửa hàng Centex
Địa chỉ : Số 12 Nguyễn Gia Thiều, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Công ty con

- ▶ Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI")

Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Phú ("KPI") được thành lập bởi các cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Dệt - May Nha Trang, Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức và Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt may Việt Nam. Công ty này hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201220884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 24 tháng 4 năm 2013.

Vốn điều lệ của KPI theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 34 tỷ đồng, trong đó Công ty đăng ký góp 20 tỷ đồng (tương đương 58,82% vốn điều lệ) và hai cổ đông sáng lập còn lại đăng ký góp 14 tỷ đồng (tương đương 41,18% vốn điều lệ).

Ngành nghề kinh doanh chính của KPI là kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày và kinh doanh bất động sản.

Trụ sở chính: Số 12 Nguyễn Gia Thiều, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

2 Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Xuân Trình	Chủ tịch	25/04/2013	-
Ông Võ Đình Hùng	Ủy viên	25/04/2013	-
Ông Trần Văn Việt	Ủy viên	22/04/2016	-

3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

So sánh được vì từ 01/01/2015 Tập đoàn thực hiện ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty và công ty con sau đây được gọi chung là Tập đoàn

*

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Kỳ kế toán năm:

Năm tài chính của tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2 Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Tập đoàn là nhật ký chung.

3 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành ở Việt Nam.

4 Cơ sở hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính quý của công ty mẹ và công ty con Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của Chủ sở hữu của công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1 Các loại tỷ giá hối đoái, nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

Tại ngày 30/06/2017, tỷ giá mua là 22.690 VND/USD; tỷ giá bán là 22.770 VND/USD.

Tại ngày 30/06/2017, tỷ giá mua là 25.795 VND/EUR; tỷ giá bán là 26.146 VND/EUR.

2 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
 - Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.
- Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

-	Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
-	Máy móc và thiết bị	03 - 15
-	Phương tiện vận tải	05 - 10
-	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
-	Tài sản cố định hữu hình khác	10

7 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8 Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo

nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

- Máy móc và thiết bị

15

9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều năm được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16 Chi phí vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

V - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2017	01/01/2017
- Tiền mặt	154,626,410	108,224,817
- Tiền gửi ngân hàng	3,501,204,465	3,481,014,247
- Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng		100,000,000
cộng	3,655,830,875	3,689,239,064

Trong đó,

Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại 01/01/2017	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- Tiền gửi ngân hàng - USD	51,501.83	1,170,121,578
- Tiền gửi ngân hàng - EUR	2.86	68,351

Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại 31/03/2017	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
- Tiền gửi ngân hàng - USD	33,778.60	1,267,535,233
- Tiền gửi ngân hàng - EUR	2.86	69,015

2.1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30/06/2017	01/01/2017
- Cổ phiếu CTCP Bông Tây Nguyên (2.688 CP)	266,915,000	266,915,000
- Góp vốn điều lệ thành lập CTCP xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú (90.000 CP)	954,810,000	954,810,000
- Công ty CP phát triển nhà và đô thị Hud Nha Trang (1.000.000 CP)	10,000,000,000	10,000,000,000
Cộng	11,221,725,000	11,221,725,000

2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/06/2017	01/01/2017
- Tiền gửi kỳ hạn 13 tháng	800,000,000	1,000,000,000
Cộng	800,000,000	1,000,000,000

3.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn	30/06/2017	01/01/2017
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	74,899,926,598	45,049,901,850
- Công ty Cổ Phần sản xuất và thương mại Phú Trà	864,902,256	864,902,256
- Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	-	427,420,473
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Phong Phú	7,115,220,988	10,115,220,988
- Công ty Cổ phần Bông Miền Bắc	30,000,000	30,000,000
- Công ty TNHH Dệt May Thygesen Việt Nam	88,202,836	28,250,341
- Công ty TNHH SX-TM Thành Vinh	-	38,513,030,000
- Melcosa Việt Nam LTD.	-	1,275,693,920
- Itochu Corporation/Osasl	-	436,735,200
- Star Collabo Co., Ltd	-	16,906,861
- Sanmar Corporation	3,541,241,914	7,749,094,950
- Orchid Apparel LLC	44,404,330	1,356,574,848
- Các khách hàng khác	32,384,595,968	1,849,903,447
cộng	118,968,494,890	107,713,635,134

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

3.2 Phải thu dài hạn của khách hàng	30/06/2017	01/01/2017
- Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	80,526,818,222	80,526,818,222
cộng	80,526,818,222	80,526,818,222
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	30/06/2017	01/01/2017
Tổng Công ty cổ phần Phong Phú	1,295,667,704	11,339,707,298
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phong Phú	14,937,399,901	44,963,177,401
Công ty TNHH TMDV&XD Phúc Minh	-	-
Công ty TNHH XD Minh Việt	-	-
Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Nam Khánh Hòa	-	-
Công ty TNHH Thanh Hà	-	-
Xí nghiệp xây lắp công nghiệp Điện lực Khánh Hòa	-	-
Công ty TNHH TMDV Công nghệ môi trường Bách Khoa	276,400,001	-
Công ty CP Thang máy Thiên Nam	-	-
Công ty TNHH TM DV Điện nước Khánh Hòa	-	-
Bà Trần Thị Khương	1,250,000,000	1,250,000,000
Công ty TNHH MTV Cơ điện lạnh Âu Việt	-	1,387,965,000
Công ty CP Tập đoàn Toji	-	849,859,918
Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ TQV		1,044,773,308
Công ty TNHH MTV Cơ khí sản xuất Thương mại Nghĩa Thành		3,180,646,640
Công ty TNHH CN & TM Bình Điền		68,336,000
Các nhà cung cấp khác	1,001,622,182	567,322,296
cộng	18,761,089,788	64,651,787,861
5.1 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2017	01/01/2017
- Tạm ứng cho CBCNV công ty	320,774,000	161,474,092
- Tiền lãi phải thu - CTCP Đầu tư phát triển Phong Phú	9,814,968,333	7,891,843,333
- Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai		
- Thuế GTGT đầu vào của tài sản thuê tài chính	241,893,944	241,893,944
- Phải thu khác	5,311,732,353	16,540,121,169
cộng	15,689,368,630	24,835,332,538
5.2 Các khoản phải thu dài hạn khác	30/06/2017	01/01/2017
- Lãi tiền gửi khoản ký quỹ thuê tài chính dài hạn	5,391,906	5,391,906
- Ký quỹ thuê tài chính dài hạn	-	-
cộng	5,391,906	5,391,906
5.3 Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Dệt May Hapaco Hải Phòng	787,538,760	787,538,760

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Công ty CP Vật tư XNK Tân Bình	35,875,532	35,875,532
Công ty CP VINATEX Đà Nẵng	39,314,957	39,314,957
Công ty TNHH SX TM DV XNK Hưng Thành Đạt	209,661,832	209,661,832
Công ty Cổ Phần thương mại và sản xuất Phú Trà	864,902,256	864,902,256
Doanh nghiệp tư nhân Hưng Phú Khánh Hòa	6,177,999	6,177,999
Công ty TNHH SX TM DV Trần Phong	7,189,618	7,189,618
Công ty CP Dụng cụ Thể thao Delta	4,000,000	4,000,000
Công ty TNHH MTV Vải Phụ liệu&Thiết bị May Thái Bình	3,955,600	3,955,600
cộng	1,988,616,554	1,988,616,554

*** Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:**

Số dư tại 01/01	1,988,616,554	2,177,008,324
Trích lập dự phòng bổ sung	-	64,459,620
Hoàn nhập dự phòng	-	(73,136,403)
Xóa nợ phải thu	-	(179,714,987)
Số dư cuối kỳ	1,988,616,554	1,988,616,554

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

- Phải thu về cho vay ngắn hạn - Bà Trần Thị Hồng Loan

cộng

30/06/2017 01/01/2017

-	-
-	-

6. Hàng tồn kho

	30/06/2017	01/01/2017
- Hàng mua đang đi trên đường	-	138,806,974
- Nguyên liệu, vật liệu	59,527,654,952	43,602,070,719
- Công cụ dụng cụ	35,257,219	36,022,219
- Chi phí SXKD dở dang ngắn hạn	49,553,596,244	57,363,701,418
- Thành phẩm	133,727,324,761	70,385,747,359
- Hàng hoá	5,028,399	40,444,543
- Hàng gửi bán	1,063,960,219	1,097,277,890
cộng	243,912,821,794	172,664,071,122

7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
- Chi phí phụ tùng	138,007,688	138,007,687
- Chi phí đồng phục	648,855,637	67,111,289
- Chi phí bảo hiểm nhà xưởng, hàng hóa	56,267,538	118,865,141
- Chi phí công cụ, dụng cụ	38,309,480	34,756,155
- Chi phí sửa chữa	157,114,022	156,721,311
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	885,440,685	22,500,008
cộng	1,923,995,050	537,961,591

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

7.2 Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2017	01/01/2017
- Chi phí phụ tùng	263,906,290	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	2,211,822,835	1,872,339,577
- Chi phí sửa chữa	-	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	4,959,066,439	5,438,317,379
cộng	7,434,795,564	7,310,656,956
8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2017	01/01/2017
- Mua sắm tài sản cố định	-	-
+ Mua xe đưa đón công nhân	-	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	228,491,839,609	202,692,610,875
+ Dự án nhà máy sản xuất vải dệt kim	226,796,769,018	201,089,598,925
+ Phương án cải tạo xưởng ép kiện	22,104,545	-
+ Phương án di chuyển lắp đặt nhà máy may 1	389,004,027	-
+ Phương án nâng cấp thiết bị máy sợi con F1520 - Hãng Jingweil - Trung Quốc thuộc Nhà máy sợi 3	1,283,962,019	-
+ Chương trình cải tạo NM May 2 thành Nhà ăn	-	-
+ Phương án lắp đặt bổ sung 01 máy tách xơ ngoại lai cho dây liên cung bông CO (NMS3)	-	1,603,011,950
Cộng	228,491,839,609	202,692,610,875
9. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	30/06/2017	01/01/2017
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do khấu hao TSCĐ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	24,806,148	24,806,148
Tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do ghi nhận chi phí trích trước Công cụ dụng cụ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	7,703,117	53,921,922
Cộng	32,509,265	78,728,071
10. Phải trả người bán ngắn hạn	30/06/2017	01/01/2017
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	49,809,675,306	71,267,969,001
Công ty Cổ phần Xúc tiến TM&ĐT Phong Phú	8,035,114,225	6,009,650,962
Công ty Cổ phần Thuận Hải	-	1,757,729,276
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	3,663,078,092	1,545,656,500
Công ty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường	219,780,000	348,617,500
Công ty TNHH MTV Dệt May 7	16,885,976,846	18,909,246,110
Công ty TNHH Brotex Việt Nam	1,382,935,680	1,444,716,000
Công ty TNHH Sao Mai Anh	42,240,001	19,880,001
Công ty TNHH SX TM Thành Phát	-	-
Công ty CP Thương mại Đầu tư Bất động sản Dương Trần	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghệ Ánh	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Nam Khánh Hòa	1,405,821,000	1,452,634,520
Công ty TNHH SX-TM-DV Hiệp Hòa	991,601,279	503,501,035
Công ty TNHH DV TM SX in dệt nham niệu inu Đức	204,984,152	191,699,706
Công ty TNHH TM Tân Tiến Hưng	262,711,680	92,577,870
Công ty TNHH TM U.C.C	124,740,000	216,590,000
Công ty TNHH STD&S	44,928,400	150,351,300
Công ty TNHH TM Huy Quang	422,015,000	314,600,000
Công ty TNHH Hiệp Hưng	301,631,550	175,521,500
Công ty TNHH TM Tân Hiệp Tiến	212,794,900	273,719,500
DNTN Hồng Nam	283,643,250	202,104,100
Công ty CP Bao Bì 3/2	-	396,484,990
Công ty TNHH AVCO Việt Nam	111,672,000	177,056,000
Công ty TNHH Hà Trâm Vũ	267,626,644	5,571,896
Công ty TNHH MT	43,068,465	-
Công ty TNHH Chanchem	150,782,500	106,700,000
Ông Lê Công Hòa	961,914,589	737,464,009
Các nhà cung cấp khác khác	7,714,713,822	6,890,067,356
Cộng	93,543,449,381	113,213,209,132

* Trong đó, số dư công nợ phải trả ngắn hạn người bán có gốc ngoại tệ là:

USD	191.73	4,365,692
EUR	4,741.05	123,959,493

11.1. Thuế và các khoản thuế phải thu nhà nước	30/06/2017	01/01/2017
-Thuế GTGT được khấu trừ	156,343,155	169,344,166
-Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	161,256,579	3,800,994
cộng	317,599,734	173,145,160

11.2. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2017	01/01/2017
- Thuế GTGT	1,420,630,280	1,114,719,507
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	217,042,257	2,818,572,465
- Thuế thu nhập cá nhân	17,557,483	126,640,558
- Tiền thuê đất	858,342,105	-
- Tiền nhà thầu	-	-
Cộng	2,513,572,125	4,059,932,530

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vinh Phuong, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

11.3 Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp NSNN của Công ty trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	01/01/2017		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2017	
	Phải thu	Phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp/ được khấu trừ	Phải thu	Phải trả
Thuế phải nộp Nhà nước	-	4,052,880,924	33,748,311,358	32,048,293,539	321,965,599	2,513,572,125
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1,114,719,507	29,789,929,037	30,095,839,810	161,256,579	1,420,630,280
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	24,536,427	24,536,427	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2,818,572,465	2,996,162,929	394,632,721	-	217,042,257
- Thuế tài nguyên	-	-	32,760,000	32,760,000	-	-
- Thuế nhà đất	-	-	-	-	-	-
- Tiền thuê đất	-	-	93,922,103	952,264,208	-	858,342,105
- Thuế môn bài	-	-	4,000,000	4,000,000	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	119,588,952	807,000,862	544,260,373	160,709,020	17,557,483
- Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
trong đó:	-	-	-	-	-	-
+ Thuế nhà thầu nước ngoài	-	-	-	-	-	-
+ Thuế khác	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHÀ TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

12. Chi phí phải trả ngắn hạn	30/06/2017	01/01/2017
- Chi phí trích trước kiểm toán	120,000,000	70,000,000
- Trích trước tiền điện	-	198,307,946
- Trích trước chi phí tư vấn	90,000,000	90,000,000
- Trích trước chi phí hoa hồng	3,895,214	30,732,193
- Trích trước chi phí lãi vay	321,432,712	361,030,200
- Trích trước chi phí khác	3,492,581,578	1,878,265,588
Cộng	4,027,909,504	2,628,335,927

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2017	01/01/2017
- Kinh phí công đoàn	1,380,049,390	1,255,379,872
- Bảo hiểm xã hội	3,556,555,353	829,238,380
- Bảo hiểm Y tế	1,843,114,805	1,892,556,040
- Bảo hiểm thất nghiệp	444,930,384	423,742,154
- Các khoản phải trả , phải nộp khác	11,191,386,101	118,813,909

Trong đó :

- + Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn
- + Tài sản thừa chờ xử lý
- + Các khoản phải trả - khác

	11,062,777,000	
Cộng	18,416,036,033	4,519,730,355

14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	30/06/2017	01/01/2017
* Vay ngắn hạn	319,948,531,578	260,440,313,334
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	215,282,073,872	171,572,342,347
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	177,855,548,582	171,572,342,347
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	37,426,525,290	-
-Ngân hàng TMCP quân đội -Khánh Hòa	29,385,356,260	24,385,015,966
+ MB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	-	14,658,061,726
+ MB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	29,385,356,260	9,726,954,240
-Ngân hàng BIDV - Khánh Hòa	29,308,825,726	39,585,402,634
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	25,050,874,922	39,585,402,634
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	4,257,950,804	-
-Ngân hàng HSBC Việt Nam	-	10,690,945,239
+ HSBC Việt Nam - VND	-	10,690,945,239
-Ngân hàng ICB Nha Trang	45,972,275,720	14,206,607,148
+ ICB Nha Trang - VND	45,972,275,720	14,206,607,148
* Vay dài hạn đến hạn trả	2,545,566,998	4,921,899,996
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	868,000,000	1,756,000,000
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	868,000,000	1,756,000,000
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	-	-

Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:

+ Dự án 6 máy dệt kim tròn và 1 máy nhuộm	360,000,000	740,000,000
+ Dự án lắp đặt trạm cấp nước và hệ thống cấp nước	508,000,000	1,016,000,000
+ Dự án 04 máy ghép -NMS3	-	-
+ Dự án 05 máy DK tròn + 15 máy DK phẳng	-	-

14.1 vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHÀ TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017**

-Ngân hàng TMCP AN BÌNH - Chi nhánh Khánh Hòa	282,667,000	376,000,000
+ ABB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	282,667,000	376,000,000
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
+ Phương án lắp đặt bổ sung 01 máy tách xơ ngoại lai cho dây liên cung bông CO (NMS3)	282,667,000	376,000,000
-Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa	880,000,000	1,760,000,000
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	880,000,000	1,760,000,000
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
+ Dự án Nhà máy May 4	880,000,000	1,760,000,000
-Cty TNHH MTV cho thuê tài chính VCB (VCB leasing)	514,899,998	1,029,899,996
+ VCB leasing - VND	514,899,998	1,029,899,996
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
+ Dự án đầu tư thay thế thiết bị NM nhuộm	517,899,998	1,029,899,996
Cộng	322,494,098,576	265,362,213,330

14.2 Các khoản vay và nợ dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
* Vay dài hạn	187,458,217,817	161,341,158,406
-Ngân hàng VCB - Chi nhánh Khánh Hòa	183,727,550,817	157,517,158,406
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	107,357,459,461	79,906,447,694
+ VCB - Chi nhánh Khánh Hòa - USD	76,370,091,356	77,610,710,712
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
- Dự án 6 máy dệt kim tròn và 1 máy nhuộm	780,000,000	780,000,000
- Dự án tập dượt iran tapnong va nẹ trong aieu khong	1,528,000,000	1,528,000,000
- Dự án 04 máy ghép		-
- Dự án 05 máy Dkim tròn & 15 máy Dkim phẳng		-
- DA nhà máy sản xuất vải dệt kim	76,475,140,815	155,209,158,406
-Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa	3,080,000,000	3,080,000,000
+ BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	3,080,000,000	3,080,000,000
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
- Dự án quy hoạch NM May 2&4 theo Lean	3,080,000,000	3,080,000,000
-Ngân hàng ABB - Chi nhánh Khánh Hòa	650,667,000	744,000,000
+ ABB - Chi nhánh Khánh Hòa - VND	650,667,000	744,000,000
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
- Phương án lắp đặt bổ sung 01 máy tách xơ ngoại lai cho dây liên cung bông CO (NMS3)	650,667,000	744,000,000
* Nợ dài hạn	85,833,349	85,833,349
-Cty TNHH MTV cho thuê tài chính VCB (VCB leasing)	85,833,349	85,833,349
+ VCB leasing - VND	85,833,349	85,833,349
Trong đó, dư nợ vay đầu tư cho:		
- Dự án đầu tư thay thế thiết bị NM nhuộm	85,833,349	85,833,349
cộng	187,544,051,166	161,426,991,755

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ: Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

14.3 BẢNG THEO DÕI NỢ VAY NGẮN VÀ DÀI HẠN

STT	Ngân hàng	Số dư đầu kỳ	Vay thêm trong kỳ	Trả nợ	Phân loại nợ dài hạn đến hạn trả	Đánh giá lại nợ có gốc ngoại tệ	Trả nợ/Phân loại nợ dài hạn đến hạn trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
1	Vay dài hạn	161,426,991,755	27,951,011,767	1,833,952,356				187,544,051,166
1.1	Ngân hàng VCB	157,517,158,406	27,951,011,767	1,740,619,356				183,727,550,817
1.2	Ngân hàng BIDV	3,080,000,000						3,080,000,000
1.3	Ngân hàng ABB	744,000,000		93,333,000				650,667,000
1.4	VCB Leasing - CN TP HCM	85,833,349	-	-				85,833,349
								-
2	Vay ngắn hạn	260,440,313,334	432,599,144,802	373,090,926,558				319,948,531,578
2.1	Ngân hàng VCB	171,572,342,347	294,836,479,669	251,126,748,144				215,282,073,872
2.2	Ngân hàng BIDV	39,585,402,634	62,483,739,417	72,760,316,325				29,308,825,726
2.3	Ngân hàng HSBC	10,690,945,239		10,690,945,239				-
2.4	Ngân hàng MB	24,385,015,966	29,306,648,996	24,306,308,702				29,385,356,260
2.5	Ngân hàng ICB Nha Trang	14,206,607,148	45,972,276,720	14,206,608,148				45,972,275,720
3	Nợ dài hạn đến hạn trả	4,921,899,996		2,376,332,998			2,376,332,998	2,545,566,998
3.1	Ngân hàng VCB	1,756,000,000		888,000,000	-	-	888,000,000	868,000,000
3.2	Ngân hàng BIDV	1,760,000,000		880,000,000	-	-	880,000,000	880,000,000
3.3	Ngân hàng ABB	376,000,000		93,333,000	-	-	93,333,000	282,667,000
3.4	VCB Leasing - CN TP HCM	1,029,899,996		514,999,998			514,999,998	514,899,998
	TỔNG	426,789,205,085	460,550,156,569	377,301,211,912	-	-	2,376,332,998	510,038,149,742

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	30/06/2017	01/01/2017
Số dư tại 01/01	2,369,639,007	1,985,592,567
Trích từ lợi nhuận sau thuế	807,355,410	2,127,911,139
Tăng khác	5,787,000	158,236,500
Chi khen thưởng, phúc lợi	(1,199,450,000)	(1,902,101,199)
cộng	1,983,331,417	2,369,639,007
15.1 Quỹ khen thưởng	30/06/2017	01/01/2017
Số dư tại 01/01	1,150,800,376	907,674,807
Trích từ lợi nhuận sau thuế	403,677,705	1,063,955,569
Tăng khác		113,370,000
Chi khen thưởng	(732,030,000)	(934,200,000)
cộng	822,448,081	1,150,800,376
15.2 Quỹ phúc lợi	30/06/2017	01/01/2017
Số dư tại 01/01	1,218,838,631	1,077,917,760
Trích từ lợi nhuận sau thuế	403,677,705	1,063,955,570
Tăng khác	5,787,000	44,866,500
Chi phúc lợi	(467,420,000)	(967,901,199)
cộng	1,160,883,336	1,218,838,631
16.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2017	01/01/2017
- Vốn góp của Tổng CTCP Phong Phú	96,143,750,000	136,143,750,000
- Vốn góp của đối tượng khác	88,856,250,000	48,856,250,000
Cộng	185,000,000,000	185,000,000,000
16.2. Các quỹ của doanh nghiệp	30/06/2017	01/01/2017
- Quỹ đầu tư phát triển	22,015,663,659	22,015,663,659
-Thặng dư vốn cổ phần	2,030,000,000	2,030,000,000
Cộng	24,045,663,659	24,045,663,659

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

16.3- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ khác thuộc VSCH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	185,000,000,000	2,030,000,000	22,015,663,659		32,900,792,702	241,946,456,361	483,892,912,722
- Tăng vốn trong năm nay							-
- Lợi nhuận trong năm nay					20,351,179,058	20,351,179,058	40,702,358,116
- Tăng khác							-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(2,127,911,139)	(2,127,911,139)	(4,255,822,278)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(290,000,000)	(290,000,000)	(580,000,000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển							-
- Chia cổ tức 2015					(29,600,000,000)	(29,600,000,000)	(59,200,000,000)
- Bán cổ phiếu quỹ							-
- Giảm khác							-
Số dư tại ngày 31/12/2016	185,000,000,000	2,030,000,000	22,015,663,659		21,234,060,621	230,279,724,280	460,559,448,560
Số dư tại ngày 01/01/2017	185,000,000,000	2,030,000,000	22,015,663,659		21,234,060,621	230,279,724,280	460,559,448,560
- Tăng vốn trong năm nay							-
- Lợi nhuận trong năm nay					2,401,754,474	2,401,754,474	4,803,508,948
- Tăng khác							-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(807,355,410)	(807,355,410)	(1,614,710,820)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(195,000,000)	(195,000,000)	(390,000,000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển							-
- Chia cổ tức 2016					(18,500,000,000)	(18,500,000,000)	(37,000,000,000)
- Bán cổ phiếu quỹ							-
- Giảm khác							-
Số dư tại ngày 30/06/2017	185,000,000,000	2,030,000,000	22,015,663,659		4,133,459,685	213,179,123,344	426,358,246,688

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG*Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017**

17. Cổ phiếu	30/06/2017	01/01/2017
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18,500,000	18,500,000
Trong đó :		
+ Cổ phiếu Tổng công ty CP Phong Phú	9,614,375	13,614,375
+ Cổ phiếu của đối tượng khác	8,885,625	4,885,625
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,500,000	18,500,000
Cộng	18,500,000	18,500,000
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)</i>	<i>10,000</i>	<i>10,000</i>

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán:	30/06/2017	01/01/2017
21.1 Tài sản thuê ngoài	305,497,712,100	305,497,712,100
21.2 Ngoại tệ các loại		
- <i>Dollar Mỹ (USD)</i>	<i>51,501.83</i>	<i>51,501.83</i>
- <i>Euro (EUR)</i>	<i>2.86</i>	<i>2.86</i>
21.3 Nợ khó đòi đã xử lý	439,817,834	439,817,834
- Công ty TNHH TMDV Nam Phúc	122,968,739	122,968,739
- Ông Phan Thế Thông	137,134,108	137,134,108
- Ông Lê Trung Hải	179,714,987	179,714,987
* <i>Nguyên nhân xóa sổ: Không tìm thấy đối tượng đòi nợ</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

19.1 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
+ Số dư đầu kỳ	81,883,523,597	381,883,582,753	15,028,384,203	2,612,993,377		481,408,483,930
+ Tăng trong kỳ	334,692,727	6,024,036,819	309,936,182			6,668,665,728
- Mua trong kỳ	334,692,727	4,414,524,869	309,936,182			5,059,153,778
<i>Trong đó, mua của nội bộ TCTCP P.Phú</i>						
- Đầu tư XD CB hoàn thành		1,609,511,950				1,609,511,950
- Tăng khác						
+ Giảm trong kỳ		17,432,907,726				17,432,907,726
- Chuyển sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		17,432,907,726				17,432,907,726
<i>Trong đó, bán cho nội bộ TCTCP P.Phú</i>						
- Giảm khác						
+ Số dư cuối kỳ	82,218,216,324	370,474,711,846	15,338,320,385	2,612,993,377		470,644,241,932
Giá trị hao mòn lũy kế (*)						
+ Số dư đầu kỳ	45,911,817,396	305,382,985,184	10,167,930,193	1,967,043,585	59,928,000	363,489,704,358
+ Tăng trong kỳ	2,578,758,185	5,663,257,994	492,285,380	79,486,874		8,813,788,433
- Khấu hao trong kỳ	2,578,758,185	5,663,257,994	492,285,380	79,486,874		8,813,788,433
<i>Trong đó, tăng do mua, điều chuyển trong TCTY</i>						
- Tăng khác						
+ Giảm trong kỳ		17,320,288,702				17,320,288,702
- Chuyển sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		17,320,288,702				
<i>Trong đó, giảm do bán, điều chuyển trong TCTY</i>						
- Giảm khác						
+ Số dư cuối kỳ	48,490,575,561	293,725,954,476	10,660,215,573	2,046,530,459	59,928,000	354,983,204,089

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG
Địa chỉ : Km1447 QL1A, X/Vinh Phuong, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
- Tại ngày đầu kỳ	35,971,706,201	76,500,597,569	4,860,454,010	645,949,792	(59,928,000)
- Tại ngày cuối kỳ	33,727,640,743	76,748,757,370	4,678,104,812	566,462,918	(59,928,000)
					115,661,037,843

19.2 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định thuế tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tiết kiệm	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ thuế tài chính						
+ Số dư đầu kỳ		5,542,560,188				5,542,560,188
+ Tăng trong kỳ						
- Thuê tài chính trong kỳ						
<i>Trong đó, thuế tài chính của nội bộ TCTCP P. Phú</i>						
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính						
- Tăng khác						
+ Giảm trong kỳ						
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính						
- Giảm khác						
+ Số dư cuối kỳ		5,542,560,188				5,542,560,188
<i>trong đó, KH hết vốn còn sử dụng:</i>						
Giá trị hao mòn lũy kế (*)						
+ Số dư đầu kỳ		1,077,720,072				1,077,720,072
+ Tăng trong kỳ		184,752,012				184,752,012
- Khấu hao trong kỳ		184,752,012				184,752,012
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính						
- Tăng khác						
+ Giảm trong kỳ						
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính						
- Giảm khác						
+ Số dư cuối kỳ		1,262,472,084				1,262,472,084
Giá trị còn lại của TSCĐ thuế tài chính						
- Tại ngày đầu kỳ		4,464,840,116				4,464,840,116
- Tại ngày cuối kỳ		4,280,088,104				4,280,088,104

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

VI - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

6 tháng đầu năm 2017 6 tháng đầu năm 2016

1. Tổng doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm	328,424,437,519	435,554,951,826
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư thu hồi	82,813,319,811	81,913,181,356
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12,868,974,886	5,016,955,322
Cộng	424,106,732,216	522,485,088,504

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm giá hàng bán - thành phẩm

3. Doanh thu thuần**424,106,732,216 522,485,088,504**

Trong đó:

Doanh thu bán thành phẩm	328,424,437,519	435,554,951,826
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư thu hồi	82,813,319,811	81,913,181,356
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12,868,974,886	5,016,955,322

4. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm	313,453,550,984	189,030,300,271
Giá vốn của hàng hóa, vật tư thu hồi	81,095,438,981	55,255,139,518
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3,674,992,710	251,585,970,369
Cộng	398,223,982,674	495,871,410,158

Lợi nhuận gộp**25,882,749,542 26,613,678,346****5. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	9,949,534	90,935,703
Cổ tức, lợi nhuận được chia	500,000,000	1,427,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	390,107,175	838,109,852
Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ		
Cộng	900,056,709	2,356,045,555

6. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	7,744,005,607	7,897,835,556
Lỗ do chuyển nhượng chứng khoán		
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính		
Lỗ chênh lệch tỷ giá	670,192,037	315,025,748
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Chi phí tài chính khác		
Cộng	8,414,197,644	8,212,861,304

7. Chi phí bán hàng

Chi phí cho nhân viên	1,296,657,310	1,679,790,491
Chi phí khấu hao TSCĐ	7,699,998	7,699,998
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	4,633,023	8,543,727
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,383,264,997	2,566,971,212
Chi phí khác	835,081,498	990,350,736
Cộng	3,527,336,826	5,253,356,164

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X.Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	10,602,696,533	9,788,048,755
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	336,005,256	426,364,606
Chi phí khấu hao tài sản cố định	568,943,492	622,168,032
Thuế phí và lệ phí	992,930,874	1,087,833,403
Chi phí dự phòng các khoản phải thu		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	381,604,821	685,842,747
Chi phí khác	3,795,229,871	4,105,617,866
Cộng	16,677,410,847	16,715,875,409
9. Thu nhập khác		
Thu bán, thanh lý tài sản cố định	2,427,727,273	2,236,684,518
Giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý	(112,619,024)	(2,169,584,765)
Lãi thu được từ bán, thanh lý tài sản cố định	2,315,108,249	67,099,753
Bồi thường chất lượng hàng hóa		3,017,260,000
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	1,923,125,000	1,732,527,236
Các khoản thu nhập khác	1,350	
Cộng	4,238,234,599	4,816,886,989
10. Chi phí khác		
Thu bán, thanh lý tài sản cố định	-	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý	-	-
Lỗ từ bán, thanh lý tài sản cố định	-	-
Thuế truy thu, phạt chậm nộp, phạt hành chính	-	1,863,226
Các khoản chi phí khác	341,059	3,599
Cộng	341,059	1,866,825
11. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch khấu hao TSCĐ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch chi phí trích trước Công cụ dụng cụ mua của Cty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	(46,218,818)	(46,218,818)
Cộng	(46,218,818)	(46,218,818)
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2,032,137,991	3,216,371,059
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,032,137,991	3,216,371,059
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18,500,000	18,115,385
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	110	178

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT - MAY NHA TRANG

Địa chỉ : Km1447 QL1A, X. Vĩnh Phương, TP. Nha Trang, T. Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
+ Chi phí nguyên liệu, vật liệu	376,761,055,838	457,861,536,823
+ Chi phí nhân công	68,497,810,664	96,502,256,227
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	8,998,540,445	10,812,084,969
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	66,615,572,445	64,357,188,773
+ Chi phí khác bằng tiền	223,539,607	1,493,047,193
Cộng	521,096,518,999	631,026,113,985

Người lập biểu



Hoàng Thị Ái Khanh

Kế toán trưởng



Hồ Đặng Như Duyên

Nha Trang, ngày 30 tháng 07 năm 2017

Tổng giám đốc



Võ Đình Hùng